

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đơn vị thực hiện
đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2016.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng thực hiện việc xét, đề xuất công nhận xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế tỉnh Bình Định tại Biên bản họp ngày 11/01/2017 và đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 05/TTr-SYT ngày 11/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 147 xã, phường, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2016; trong đó:

- 130 xã, phường, thị trấn đã được công nhận thực hiện đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong các năm từ 2012 đến 2015 tiếp tục duy trì đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong năm 2016: Danh sách theo Phụ lục 1 đính kèm.

- 17 xã mới thực hiện đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong năm 2016: Danh sách theo Phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2016 theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu VP, K1, K10, K15

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

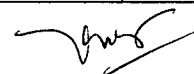


Phụ lục 1:

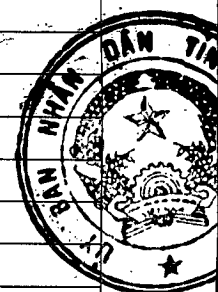
DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ ĐẾN NĂM 2015
TIẾP TỤC DUY TRÌ ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ TRONG NĂM 2016
 (Kèm theo Quyết định số **75** /QĐ-UBND ngày **11** /01/2017
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2016	Ghi chú
01	QUY NHƠN (21 xã, phường)	Đông Đa	96,5	
02		Quang Trung	93,5	
03		Nhơn Châu	92,5	
04		Bùi Thị Xuân	95,0	
05		Lê Hồng Phong	94,0	
06		Lý Thường Kiệt	93,5	
07		Hải Cảng	93,0	
08		Ngô Mây	93,0	
09		Nguyễn Văn Cừ	91,5	
10		Trần Hưng Đạo	93,5	
11		Trần Quang Diệu	84,0	
12		Trần Phú	92,0	
13		Nhơn Lý	90,0	
14		Nhơn Phú	91,5	
15		Nhơn Bình	90,0	
16		Thị Nại	97,5	
17		Ghềnh Ráng	91,0	
18		Lê Lợi	95,5	
19		Nhơn Hội	93,0	
20		Nhơn Hải	87,0	
21		Phước Mỹ	91,5	
22	TUY PHƯỚC (13 xã, thị trấn)	Diêu Trì	92,5	
23		Tuy Phước	92,5	
24		Phước Lộc	93,0	
25		Phước An	95,0	
26		Phước Sơn	94,0	
27		Phước Hòa	91,0	
28		Phước Nghĩa	92,5	
29		Phước Hưng	93,5	
30		Phước Thuận	95,0	
31		Phước Thành	95,0	
32		Phước Hiệp	91,0	
33		Phước Quang	93,0	
34		Phước Thắng	93,0	
35		Nhơn Hạnh	91,0	
36		Bình Định	92,0	

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2016	Ghi chú
37	AN NHƠN (15 xã, phường)	Đập Đá	89,5	
38		Nhơn Lộc	93,5	
39		Nhơn Hậu	92,5	
40		Nhơn Hưng	90,0	
41		Nhơn Khánh	90,5	
42		Nhơn Tân	92,5	
43		Nhơn Thọ	89,5	
44		Nhơn Phúc	91,5	
45		Nhơn An	90,5	
46		Nhơn Phong	89,0	
47		Nhơn Hòa	91,0	
48		Nhơn Thành	89,0	
49		Nhơn Mỹ	89,5	
50	PHÙ CÁT (16 xã, thị trấn)	Cát Chánh	97,0	
51		Cát Tiến	94,0	
52		Cát Minh	98,0	
53		Cát Hạnh	94,0	
54		Cát Lâm	93,5	
55		Cát Nhơn	90,0	
56		Cát Khánh	97,0	
57		Cát Tài	93,0	
58		Cát Hiệp	94,0	
59		Cát Hải	95,5	
60		Cát Trinh	91,0	
61		Ngô Mây	95,0	
62		Cát Thành	91,5	
63		Cát Tường	91,5	
64		Cát Hưng	92,5	
65		Cát Tân	93,0	
66	PHÙ MỸ (13 xã, thị trấn)	Bình Dương	94,0	
67		Mỹ Hiệp	94,0	
68		Mỹ Lợi	93,0	
69		Mỹ Lộc	93,0	
70		Mỹ Hòa	95,0	
71		Mỹ Thành	91,5	
72		Mỹ Thọ	93,5	
73		Mỹ Cát	93,5	
74		Mỹ Tài	92,5	
75		Mỹ Thắng	83,5	
76		Mỹ An	92,5	
77		Mỹ Trinh	93,5	
78		Mỹ Châu	93,0	
79		Hoài Châu	94,5	



STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2016	Ghi chú
80	HOÀI NHON (17 xã, thị trấn)	Hoài Hương	93,5	
81		Bồng Sơn	93,5	
82		Hoài Sơn	86,5	
83		Hoài Châu Bắc	90,5	
84		Tam Quan Nam	93,0	
85		Hoài Hảo	93,5	
86		Hoài Xuân	90,5	
87		Hoài Phú	92,5	
88		Tam Quan Bắc	90,5	
89		Tam Quan	94,5	
90		Hoài Đức	92,0	
91		Hoài Tân	90,5	
92		Hoài Mỹ	90,0	
93		Hoài Thanh Tây	89,0	
94		Hoài Thanh	89,5	
95		Hoài Hải	92,0	
96	TÂY SƠN (12 xã, thị trấn)	Phú Phong	95,5	
97		Bình Nghi	90,5	
98		Tây Giang	94,5	
99		Bình Tường	88,5	
100		Tây Thuận	88,0	
101		Tây Phú	93,5	
102		Bình Hòa	90,5	
103		Tây Xuân	94,5	
104		Vĩnh An	91,0	
105		Tây An	97,0	
106		Tây Vinh	89,5	
107		Bình Thành	92,0	
108	HOÀI AN (09 xã, thị trấn)	Ấn Hảo Tây	94,0	
109		Ấn Thạnh	93,5	
110		Ấn Nghĩa	97,0	
111		Ấn Đức	91,0	
112		Ấn Tường Tây	94,0	
113		Ấn Phong	91,5	
114		Tăng Bạt Hồ	94,5	
115		Ấn Hảo Đông	92,5	
116		Ấn Tín	92,5	
117	VÂN CANH (03 xã, thị trấn)	Vân Canh	93,0	
118		Canh Vinh	91,5	
119		Canh Thuận	90,0	
120	VĨNH THẠNH (05 xã)	Vĩnh Thịnh	96,0	
121		Vĩnh Thuận	91,0	
122		Vĩnh Quang	91,5	



Handwritten signature

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2016	Ghi chú
123	AN LÃO (06 xã, thị trấn)	Vĩnh Hiệp	88,0	
124		Vĩnh Hảo	87,0	
125		An Hòa	91,5	
126		An Tân	95,0	
127		An Trung	90,0	
128		An Hưng	87,0	
129		An Lão	90,5	
130		An Quang	83,5	
Tổng cộng: 130 xã, phường, thị trấn				

[Handwritten signature]



Phụ lục 2:

**DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG MỚI THỰC HIỆN
ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ TRỒNG NĂM 2016**
(Kèm theo Quyết định số **75** /QĐ-UBND ngày **11** /01/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Huyện	Xã	Điểm đạt 2016	Ghi chú
01	PHÙ CÁT (02 xã)	Cát Sơn	87,5	
02		Cát Thắng	92,0	
03	PHÙ MỸ (04 xã)	Mỹ Phong	94,0	
04		Mỹ Đức	96,5	
05		Mỹ Chánh	89,0	
06		Mỹ Quang	96,0	
07	TÂY SƠN (03 xã)	Tây Bình	93,5	
08		Bình Thuận	87,5	
09		Bình Tân	87,0	
10	HOÀI ÂN (03 xã)	Ân Hữu	95,5	
11		Ân Mỹ	90,5	
12		Ân Sơn	93,5	
13	VÂN CANH (02 xã)	Canh Hiên	88,5	
14		Canh Hiệp	89,0	
15	VĨNH THẠNH (02 xã)	Vĩnh Hòa	86,0	
16		Vĩnh Sơn	85,0	
17	AN LÃO (01 xã)	An Vinh	84,0	
Tổng cộng: 17 xã				

SINH
HÌNH

[Signature]